

Số: /BC-SGDĐT

Long An, ngày tháng 11 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021- 2025**

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 9/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025;*

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo chủ trương đầu tư chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021- 2025 với các nội dung chính sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH**

1. Tên chương trình: Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021 – 2025.
2. Chủ chương trình: Sở Giáo dục và Đào tạo Long An.
3. Đối tượng thụ hưởng của chương trình: Các trường mầm non trong tỉnh.
4. Địa điểm thực hiện chương trình: Tại các trường mầm non trong tỉnh.
5. Tổng vốn thực hiện chương trình: 215.857 triệu đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu đồng), gồm vốn:
  - Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025: 200.779 triệu đồng (Hai trăm tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu đồng).
  - Nguồn vốn ngân sách địa phương của các huyện, thị xã, thành phố: 15.078 triệu đồng (Mười lăm tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu đồng).
6. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025.
7. Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình: Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
8. Các thông tin khác: Không có.

#### **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Sự cần thiết của chương trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:**

Thực hiện Quyết định số 1065/QĐ-BGDĐT ngày 19/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”, UBND tỉnh Long An đã ban hành Kế

hoạch số 140/KH-UBND ngày 19/6/2019 về việc thực hiện Đề án Phát triển Giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2019-2025, với mục tiêu: Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực và quốc tế; đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ, đối xử công bằng với mọi trẻ, tạo tâm thế thoải mái cho trẻ khi đến trường để trẻ cảm thấy mỗi ngày đến trường là một ngày vui; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp 1; phát triển giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục mầm non trong tỉnh đã từng bước được nâng lên, ngày càng có nhiều trường mầm non, nhóm lớp mầm non tự thực ra đời để cùng với nhà nước phát triển cấp học này. Tuy nhiên, cần phải có sự hỗ trợ đầu tư hơn nữa cho các trường mầm non do nhu cầu mỗi lúc một tăng cao, nhất là ở những vùng có khu, cụm công nghiệp.

Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021- 2025 cần thiết phải được xây dựng nhằm cụ thể hóa các nội dung thực hiện phát triển giáo dục mầm non trong toàn tỉnh; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo trường lớp mầm non ở địa bàn có khu, cụm công nghiệp; có sự phân công trách nhiệm trong quản lý đầu tư, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư đối với các dự án thuộc đề án. Bên cạnh đó, vốn đầu tư của chương trình sẽ được phân kỳ cụ thể theo từng năm trong giai đoạn 2021 – 2025, làm cơ sở cho việc phân bổ vốn đầu tư cho các chủ đầu tư theo từng năm, phù hợp với Luật Đầu tư công hiện hành.

## **2. Mục tiêu, phạm vi, thực trạng và quy mô chương trình**

### **2.1. Mục tiêu**

Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện phát triển giáo dục mầm non trong toàn tỉnh theo yêu cầu của Quyết định số 1065/QĐ-BGDĐT ngày 19/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”; hỗ trợ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia góp phần xây dựng xã nông thôn mới; đảm bảo đủ trường, lớp cho học sinh ở địa bàn có khu, cụm công nghiệp; đảm bảo công bằng trong giáo dục và đào tạo: từ thành thị đến nông thôn, từ vùng thuận lợi đến vùng khó khăn, các học sinh có điều kiện học tập như nhau.

### **2.2. Phạm vi**

- Chương trình thực hiện đầu tư bổ sung thiết bị đồ chơi; đầu tư phòng học, phòng chức năng, phòng hành chính cho các trường mầm non.

- Địa điểm đầu tư: Tại các trường mầm non trong tỉnh.

### **2.3. Thực trạng**

#### **2.3.1. Về quy mô phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non**

- Hiện nay, toàn tỉnh có 219 trường mầm non, gồm 190 trường công lập và 29 trường tư thục. Ngoài ra còn có 280 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục và 57 nhóm trẻ độc lập tư thục.

- Số trẻ đến nhà trẻ, nhóm trẻ là 6.107 cháu, đạt tỷ lệ 15,20%, trong đó có 4.972 trẻ ở nhóm, lớp, cơ sở tư thục. Tổng số trẻ đến nhà trẻ, nhóm trẻ tư thục đạt tỷ lệ 81,42% so với tổng số trẻ đến nhà trẻ, nhóm trẻ. Số trẻ đến lớp mẫu giáo là 50.851 cháu, đạt tỷ lệ 77,80% (tăng 1,20% so với năm học trước). Trẻ 5 tuổi ra lớp là 23.245 cháu, đạt tỷ lệ 99,91%. Số trẻ 5 tuổi học bán trú và 2 buổi/ngày là 23.245 đạt tỷ lệ 100%.

- Nhìn chung, quy mô giáo dục mầm non tiếp tục gia tăng, nhất là việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, việc đa dạng các loại trường lớp được mở rộng, tỷ lệ ra nhóm lớp phát triển càng ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con em nhân dân trong tỉnh. Để có được số lượng trẻ như trên, ngành giáo dục đã tích cực tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, tuyên truyền vận động công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong nhân dân, các ban ngành, các cấp chính quyền nhằm nâng cao nhận thức vai trò, vị trí của giáo dục mầm non và nhất là tầm quan trọng của sự chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

#### **2.3.2. Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

- Năm học 2019-2020, duy trì 100% các cơ sở giáo dục mầm non trong tỉnh thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 với mục tiêu lấy trẻ làm trung tâm, giáo viên đã phát huy năng lực, khả năng sáng tạo, có linh hoạt và tìm tòi nhiều hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tự học thông qua hoạt động khám phá, thử nghiệm, trải nghiệm đã thể hiện sự tôn trọng trẻ, luôn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực, sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên, vật liệu phế thải một cách đơn giản mà hiệu quả. Đặc biệt giáo dục trẻ biết tránh xa nơi nguy hiểm như nơi chứa nước, ao hồ, nơi có khói thuốc lá, nhà bếp, nguồn điện, tiếp xúc với người lạ,... Trẻ tự tin, hồn nhiên, mạnh dạn hơn trong quá trình giao tiếp với bạn bè cùng lớp, trong nhà trường và những người xung quanh.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, vệ sinh, phòng bệnh, đảm bảo an toàn sức khỏe của trẻ. Toàn tỉnh có tổng số 2.199/2.202 nhóm, lớp được học bán trú và 2 buổi/ngày, đạt tỷ lệ 99,86% (tăng 0,36% so với năm học trước); có 56.879/56.958 trẻ từ 0-5 tuổi được học bán trú và học 2 buổi/ngày tại các cơ sở giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 99,86% (tăng 0,32% so với năm học trước. Riêng đối với trẻ 5 tuổi được tổ chức học bán trú và 2 buổi/ngày, có 23.245 trẻ, đạt tỷ lệ 100%. Có

100% trường bán trú thực hiện phần mềm Nutrikids tính khẩu phần dinh dưỡng hàng ngày cho trẻ (kể cả trường công lập và tư thục).

- Chất lượng bữa ăn cho trẻ được các đơn vị quan tâm nên tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chỉ chiếm 1,31% (giảm 0,67% so với cùng kỳ năm trước); tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi chỉ chiếm 1,07% (giảm 0,9% so với đầu năm học). Ngoài ra các đơn vị cũng có nhiều biện pháp để hạn chế trẻ thừa cân, béo phì như : tăng cường cho trẻ vận động, phối hợp với gia đình cho trẻ ăn nhiều rau, hạn chế chất bột đường,... kết quả có 7,95% trẻ béo phì (giảm 1,96% so với đầu năm học). Công tác tuyên truyền phòng, chống các dịch bệnh đến các bậc cha mẹ được thực hiện thường xuyên trong các cơ sở giáo dục mầm non dưới nhiều hình thức: thông qua góc bố mẹ cần biết của trường, lớp và trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các cuộc họp, trao đổi trực tiếp, phát tờ rơi, hội thảo chuyên đề. Kết quả từ đầu năm đến nay không có dịch bệnh xảy ra trong các cơ sở giáo dục mầm non.

- Việc phòng tránh các tai nạn thương tích cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non được đảm bảo, có 219/219 (tỷ lệ 100%) cơ sở giáo dục mầm non được cấp chứng nhận trường học an toàn.

- Vệ sinh an toàn thực phẩm được các trường mầm non quan tâm hàng đầu. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong các cơ sở giáo dục mầm non như: Thực hiện tốt trong khâu chế biến, không sử dụng thực phẩm không qua kiểm dịch, không sử dụng chất phụ gia không rõ nguồn gốc trong chế biến thực phẩm và đảm bảo các quy định khác trong an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong năm học, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tiến hành kiểm tra 1-2 lần trong năm đối với những cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức bán trú, qua kiểm tra có 100% các trường đều có ký kết hợp đồng thực phẩm và lưu mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định ngành y tế. Kết quả toàn tỉnh có 219/219 trường có bếp ăn đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đầu năm đến nay không có ngộ độc xảy ra trong các cơ sở giáo dục mầm non.

- Tích cực triển khai trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non việc lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống vào các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

### **2.3.3. Về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên**

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên mầm non của tỉnh là 4.632 người, trong đó biên chế nhà nước là 3.180 người, chiếm tỷ lệ 68,65%. Số cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đạt trình độ chuẩn là 4.504, đạt tỷ lệ 97,24% (trong đó trên chuẩn là 3.168, đạt tỷ lệ 68,40%); số giáo viên mầm non chưa đạt trình độ chuẩn là 125 người, chiếm tỷ lệ 2,9%, chủ yếu tập trung ở các nhóm, lớp mẫu giáo độc lập tư thục.

- Tổng số giáo viên mầm non toàn tỉnh là 4.180 giáo viên, số giáo viên mầm non đạt trình độ chuẩn trở lên là 4.052 người, chiếm tỷ lệ 96,94% (trong đó trên chuẩn là 2.726 người, chiếm tỷ lệ 65,21%); số giáo viên mầm non chưa đạt trình độ chuẩn là 125 người, chiếm tỷ lệ 2,9%. Tỷ lệ giáo viên/lớp toàn tỉnh hiện nay là 1,90

ơ bản đảm bảo cho việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non;

- Công tác giáo dục chính trị trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tăng cường. 100% cán bộ quản lý, giáo viên được học tập, nghiên cứu các nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; từ đó nhận thức về chính trị - xã hội được nâng lên; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được thực hiện thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày của mỗi cán bộ, giáo viên; “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” được thực hiện có nề nếp tiêu chuẩn đạo đức nhà giáo. Do vậy, trong năm học không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Ngoài ra, các huyện, thị xã, thành phố còn tham mưu mở nhiều lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp cán bộ quản lý, có 452 cán bộ quản lý được đánh giá theo chuẩn, kết quả có 449/452 cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại đạt khá trở lên, đạt tỷ lệ 99,11% (trong đó cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập được xếp loại khá trở lên chiếm tỷ lệ 91,15%).

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên: có 3.358 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp, kết quả có 3.081/3.358 giáo viên xếp loại khá trở lên, đạt tỷ lệ 91,75% (Trong đó giáo viên cơ sở giáo dục công lập được xếp loại khá trở lên đạt tỷ lệ 74,03%).

#### **2.3.4. Về cơ sở vật chất trường lớp**

- Năm học 2019-2020, toàn tỉnh đảm bảo đủ số lượng phòng học, công trình vệ sinh, nước sạch đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tổng số phòng học hiện có là 2.202 phòng/2.202 nhóm, lớp (tỷ lệ 1 phòng/lớp); trong đó có 631 phòng kiên cố đúng mẫu, chiếm tỷ lệ 25,7% và 1.571 phòng học bán kiên cố, chiếm tỷ lệ 71,3% (trong năm có 112 phòng học học xây mới).

- Ngành giáo dục đã phối hợp với các cấp chính quyền địa phương thực hiện kiên cố hóa trường lớp và nhiều nguồn khác để xây dựng cơ sở vật chất, phòng học, các phòng chức năng, khu vệ sinh cho các điểm trường. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Tăng cường vai trò tham mưu với UBND các cấp, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, đặc biệt là đối với các cơ sở giáo dục mầm non tư thục theo Điều lệ trường mầm non và Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục theo văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/06/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp triển khai thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” và Kế hoạch số 2805/KH-BCĐ ngày 29/7/2015 của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 404 triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ tư thục ở khu vực khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long

An giai đoạn 2015-2020”. Có biện pháp quản lý tốt các cơ sở giáo dục mầm non tư thục, có 29/29 trường và 280/280 nhóm lớp độc lập tư thục và 57/57 nhóm trẻ tư thục được cấp phép hoạt động, đạt tỷ lệ 100%;

- Trong năm học 2019-2020, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương xây dựng kế hoạch trang cấp thiết bị, đồ dùng đồ chơi dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất số 01/2015/VBHN-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo. Kết quả có 2.202/2.202 (tỷ lệ 100%) nhóm lớp có đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi, có 348/407 (tỷ lệ 85,50%) sân có đồ chơi.

#### **2.4. Quy mô:**

- Hỗ trợ các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp, thiết bị dạy học,... để phát triển giáo dục mầm non trong tỉnh từ năm 2021 - 2025, cụ thể:

+ Xây dựng bổ sung 122 phòng học, 20 phòng hiệu trưởng, 32 phòng phó hiệu trưởng, 20 văn phòng trường, 36 phòng nghỉ giáo viên, 24 phòng y tế học đường, 24 phòng thường trực bảo vệ, 19 phòng truyền thống.

+ Mua sắm 246 bộ đồ chơi trong lớp và 143 bộ đồ chơi ngoài trời.

#### **3. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện chương trình**

- Tổng mức đầu tư của chương trình là: 215.857 triệu đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu đồng). Trong đó:

+ Chi phí xây dựng và mua sắm thiết bị là 199.860 triệu đồng (Một trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng).

+ Chi phí còn lại (chi phí quản lý, tư vấn, dự phòng) là 15.997 triệu đồng (Mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu đồng).

- Đối tượng đầu tư: Hỗ trợ xây dựng phòng học và mua sắm thiết bị cho các trường mầm non trong tỉnh.

- Khả năng cân đối vốn đầu tư:

+ Cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh: 200.779 triệu đồng (Hai trăm tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu đồng).

+ Cân đối từ nguồn vốn của các huyện, thị xã, thành phố là 15.078 triệu đồng (Mười lăm tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu đồng).

#### **4. Dự kiến tiến độ thực hiện chương trình:**

- Năm 2021: dự kiến phân bổ 39.130 triệu đồng, đạt tỷ lệ 19,5% tổng khối lượng của chương trình.

- Năm 2022: dự kiến bổ sung 30.723 triệu đồng, đạt tỷ lệ 34,8% tổng khối lượng của chương trình.

- Năm 2023: dự kiến bổ sung 37.863 triệu đồng, đạt tỷ lệ 53,6% tổng khối lượng của chương trình.

- Năm 2024: dự kiến bổ sung 45.579 triệu đồng, đạt tỷ lệ 76,3% tổng khối lượng của chương trình.

- Năm 2025: dự kiến bổ sung 47.484 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% tổng khối lượng của chương trình.

**5. Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi chương trình kết thúc:** Không có.

**6. Phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội, tính toán hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội của chương trình**

- Ảnh hưởng tác động về môi trường: Không có.

- Ảnh hưởng tác động về xã hội: Xây dựng đủ phòng học cho học sinh mầm non; giải quyết được vấn đề áp lực trường lớp cho học sinh vùng có khu, cụm công nghiệp; giúp xây dựng nông thôn mới; giúp đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội: Chương trình đầu tư công giúp phát triển giáo dục của tỉnh.

**7. Phân chia các dự án thành phần**

**7.1. Dự án Xây dựng phòng học, phòng chức năng cho các trường mầm non giai đoạn 2021 - 2025**

7.1.1 Tổng mức đầu tư của Dự án là 165.858 triệu đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng là 150.780 triệu đồng (Một trăm năm mươi tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng).

- Chi phí còn lại (chi phí quản lý, tư vấn, dự phòng) là 15.078 triệu đồng (Mười lăm tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu đồng).

- Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với các công trình cụ thể của dự án là: [số phòng] x [định mức diện tích] x [suất đầu tư]. Trong đó, suất đầu tư là 7 tr/m<sup>2</sup>. Các địa phương sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách của địa phương để cùng với tỉnh đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo địa bàn quản lý đối với các hạng mục còn lại (hàng rào, sân đường, cầu thang đối với các công trình có lầu, cây xanh, chi phí tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, v.v...). Chủ trương đầu tư đối với tổng mức đầu tư ở từng công trình cụ thể mang tính tương đối, tùy theo điều kiện thực tế và nguồn vốn bổ sung của địa phương mà huyện (thị xã, thành phố) có thể tăng tổng mức đầu tư cho công trình, nguồn ngân sách phân bổ của tỉnh vẫn không thay đổi.

7.1.2. Đối tượng đầu tư: Hỗ trợ xây dựng phòng học cho các trường mầm non trong tỉnh.

7.1.3 Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn của tỉnh: Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Hỗ trợ đối với các công trình cụ thể của dự án là: [số phòng] x [định mức diện tích] x [suất đầu tư]. Trong đó, suất đầu tư là 7 tr/m<sup>2</sup>.

- Nguồn vốn đối ứng của huyện (thị xã, thành phố): đối ứng với ngân sách tỉnh cho các hạng mục còn lại của các công trình (hàng rào, sân đường, cầu thang đối với các công trình có lầu, cây xanh, chi phí tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, v.v...).

7.1.4. Cấp quyết định đầu tư: Thực hiện phân cấp theo Quyết định 63/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 và Quyết định 24/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Long An, cụ thể như sau:

- Các công trình xây dựng cho các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thì cấp quyết định đầu tư là UBND tỉnh.

- Các công trình xây dựng cho các trường trực thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố có tổng mức đầu tư lớn hơn hoặc bằng 15 tỷ đồng thì cấp quyết định đầu tư là UBND tỉnh.

- Các công trình xây dựng cho các trường trực thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng thì cấp quyết định đầu tư là UBND các huyện, thị xã, thành phố.

*Trong quá trình thực hiện, nếu có hướng dẫn mới quy định về căn cứ phân cấp quyết định đầu tư thì thực hiện theo quy định mới.*

**7.1.5. Nội dung thực hiện**

**a. Quy mô, thiết kế đầu tư**

**- Quy mô đầu tư**

STT	Tên phòng	ĐVT	Số lượng
1	Phòng học	Phòng	122
2	Phòng hiệu trưởng	Phòng	20
3	Phòng phó hiệu trưởng	Phòng	32
4	Văn phòng	Phòng	20
5	Phòng nghị giáo viên	Phòng	36
6	Phòng y tế học đường	Phòng	24
7	Phòng thường trực bảo vệ	Phòng	24
8	Phòng truyền thống	Phòng	19

**- Quy chuẩn thiết kế**



STT	Tên phòng	ĐVT	Diện tích
1	Phòng học	m <sup>2</sup>	110
2	Phòng Hiệu trưởng	m <sup>2</sup>	40
3	Phòng Hiệu phó	m <sup>2</sup>	40
4	Văn phòng	m <sup>2</sup>	60
5	Phòng nghỉ giáo viên	m <sup>2</sup>	60
6	Phòng y tế	m <sup>2</sup>	60
7	Phòng bảo vệ	m <sup>2</sup>	20
8	Phòng truyền thống	m <sup>2</sup>	40

*Ghi chú: Diện tích các phòng trên bao gồm cả hành lang của phòng.*

**b. Suất đầu tư:** 7 triệu/ m<sup>2</sup> (Bảy triệu đồng một mét vuông).

**c. Kinh phí đầu tư xây dựng:** 150.780 triệu đồng. *Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng.* Bao gồm:

STT	Tên phòng	ĐVT	Số phòng	Dự toán	Triệu đồng
					Thành tiền
1	Phòng học	Phòng	122	770	93.940
2	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	20	280	5.600
3	Phòng Hiệu phó	Phòng	32	280	8.960
4	Văn phòng	Phòng	20	420	8.400
5	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	36	420	15.120
6	Phòng y tế	Phòng	24	420	10.080
7	Phòng bảo vệ	Phòng	24	140	3.360
8	Phòng truyền thống	Phòng	19	280	5.320

*Đính kèm Phụ lục Danh mục các công trình xây dựng trường mầm non theo năm của Dự án.*

7.1.6. Phân công chủ đầu tư: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

7.1.7. Lộ trình phân bổ kinh phí

\* Lộ trình kinh phí của tỉnh

- Năm 2021: 29.350 triệu đồng.

- Năm 2022: 20.880 triệu đồng.

- Năm 2023: 28.020 triệu đồng.

- Năm 2024: 35.740 triệu đồng.

- Năm 2025: 36.790 triệu đồng.

\* **Lộ trình phân bổ kinh phí của huyện, thị xã, thành phố:** Tùy theo nguồn phân bổ của tỉnh, các huyện phân bổ vốn của địa phương để đảm bảo mục tiêu của từng công trình thuộc dự án.

## 7.2. Dự án Mua sắm thiết bị cho các trường mầm non giai đoạn 2021 - 2025

7.2.1. Tổng mức đầu tư của Dự án là 49.999 triệu đồng. Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu đồng. Trong đó:

+ Chi phí thiết bị là 49.080 triệu đồng. Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng.

+ Chi phí còn lại (chi phí quản lý, tư vấn, dự phòng) là 919 triệu đồng.

7.2.2. Đối tượng đầu tư: Hỗ trợ mua sắm thiết bị cho các trường mầm non trong tỉnh.

7.2.3. Nội dung đầu tư:

### \* Quy mô thiết bị

- Thiết bị đồ chơi lớp học: 246 bộ x 60 triệu = 14.760 triệu đồng.

- Thiết bị đồ chơi ngoài trời: 143 bộ x 240 triệu = 34.320 triệu đồng.

### \* Thiết kế kỹ thuật thiết bị:

- Thiết bị của 01 bộ đồ chơi trong lớp học gồm:

ST T	Tên đồ dùng, đồ chơi, thiết bị	ĐVT	SL
<b>I. ĐỒ DÙNG</b>			
1	Giá phơi khăn mặt	Cái	01
2	Cốc uống nước	Cái	30
3	Tủ (giá) ca, cốc	Cái	01
5	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	cái	01
6	Tủ đựng chăn, chiếu, màn	Cái	01
8	Giá để giày dép	Cái	01
9	Xô	Cái	02
10	Chậu	Cái	02
11	Bàn giáo viên	Cái	01
12	Ghế giáo viên	Cái	02
15	Thùng đựng nước có vòi	Bộ	01
16	Thùng đựng rác	Cái	02
20	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	02
<b>II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU</b>			
21	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	30
22	Mô hình hàm răng	Cái	03
23	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	30
24	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	30
25	Công chui	Cái	05
26	Cột ném bóng	Cái	02
27	Vòng thẻ đục to	Cái	01
28	Gậy thẻ đục to	Cái	01
29	Bộ chun học toán	Bộ	06

<b>ST T</b>	<b>Tên đồ dùng, đồ chơi, thiết bị</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SL</b>
30	Ghế băng ghế dục	Cái	02
31	Bục bật sâu	Cái	02
32	Nguyên liệu để đan tết	Bộ	01
33	Các khối hình học	Bộ	10
34	Bộ khâu dây tạo hình	Bộ	10
35	Kéo thủ công	Cái	30
36	Kéo văn phòng	Cái	01
37	Bút chì đen	Cái	30
38	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì	Hộp	30
39	Giấy màu	Túi	30
40	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	01
41	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	01
42	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	01
43	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	01
44	Tháp dinh dưỡng	Tờ	01
45	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	06
46	Bộ luân hạt	Bộ	05
47	Bộ lắp ghép	Bộ	02
48	Búp bê bé trai	Con	03
49	Búp bê bé gái	Con	03
50	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	01
51	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	02
52	Tranh cảnh báo nguy hiểm (G.viên)	Bộ	01
53	Tranh cảnh báo nguy hiểm (H.Sinh)	Bộ	01
54	Bộ ghép hình hoa	Bộ	03
55	Bộ lắp ráp nút tròn	Bộ	03
56	Hàng rào lớn	Cái	03
57	Bộ xây dựng	Bộ	03
58	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	02
59	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	02
60	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	02
61	Đồ chơi các phương tiện giao thông (bằng gỗ)	Bộ	02
62	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	02
63	Bộ động vật biển	Bộ	02
64	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	02
65	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	02
66	Bộ côn trùng	Bộ	02
67	Tranh về các loại rau, củ, quả, hoa	Bộ	02
68	Nam châm thẳng	Hộp	03
69	Kính lúp	Cái	03
70	Phễu nhựa	Cái	03
71	Cân thăng bằng	Cái	02

<b>ST T</b>	<b>Tên đồ dùng, đồ chơi, thiết bị</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SL</b>
72	Bộ làm quen với toán	Bộ	15
73	Đồng hồ lắp ráp	Cái	03
74	Bàn tính học đếm	Cái	03
75	Bộ hình học phẳng	Bộ	30
76	Ghép nút lớn	Bộ	03
77	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	03
78	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	03
79	Tranh ảnh một số nghề nghiệp.	Bộ	01
80	Một số hình ảnh lễ hội, danh lam, thắng cảnh.	Bộ	01
81	Bảng quay 2 mặt	Cái	01
82	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	01
83	Lô tô động vật	Bộ	10
84	Lô tô thực vật	Bộ	10
85	Lô tô các phương tiện giao thông	Bộ	10
86	Lô tô đồ vật	Bộ	10
87	Tranh số lượng	Tờ	01
88	Đomino học toán	Bộ	05
89	Bộ chữ và số	Bộ	10
90	Lô tô hình và số lượng	Bộ	15
91	Bộ tranh truyện mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Bộ	02
92	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 4- 5 tuổi	Bộ	02
93	Bộ tranh mẫu giáo 4-5 tuổi theo chủ đề	Bộ	02
94	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	01
95	Lịch của trẻ (vải)	Bộ	01
96	Lịch của trẻ (giấy)	Bộ	02
97	Bộ chữ cái và số	Bộ	06
98	Bộ trang phục Công an	Bộ	01
99	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ	01
100	Bộ trang phục Bác sỹ	Bộ	01
101	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	01
102	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	01
103	Gạch xây dựng	Thùng	01
104	Con rối (bộ/15con)	Con	01
105	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	05
106	Đất nặn	Hộp	30

- Thiết bị đồ chơi ngoài trời gồm:

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>
1	Bập bênh để cong	Cái	4
2	Con vật nhún lò xo	Cái	4
3	Xích đu sàn lắc	Cái	2
4	Xích đu treo	Cái	2

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>
5	Cầu trượt đôi	Cái	2
6	Đu quay mâm không ray	Cái	2
7	Xe đạp chân	Cái	10
8	Bộ vận động đa năng (thang leo - cầu trượt - ống chui)	Cái	1
9	Khung thành	Bộ	1
10	Nhà bóng	Cái	1

7.2.4. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 – 2025.

7.2.5. Phân công chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo.

7.2.6. Lộ trình phân bổ kinh phí:

+ Năm 2021: 9.780 triệu đồng.

+ Năm 2022: 9.843 triệu đồng.

+ Năm 2023: 9.843 triệu đồng.

+ Năm 2024: 9.839 triệu đồng.

+ Năm 2025: 10.694 triệu đồng.

*Đính kèm Phụ lục 6: Danh mục các trường mầm non thụ hưởng thiết bị theo năm của Dự án.*

## **8. Các giải pháp, tổ chức thực hiện**

### **8.1. Các giải pháp thực hiện**

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

- Phân bổ kinh phí cụ thể cho từng chủ đầu tư ở các Dự án của Chương trình (Sở GD&ĐT; huyện, thị xã, thành phố) hàng năm theo đúng lộ trình được duyệt để thực hiện Chương trình.

- Xây dựng kế hoạch và xác định danh mục thiết bị, công trình xây dựng cho từng năm theo danh mục công trình được phê duyệt.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân và thủ tục quyết toán vốn hoàn thành các công trình theo quy định hiện hành.

- Thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình thuộc Chương trình theo phân cấp của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

- Căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ hàng năm có nhiệm vụ quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tuyên truyền rộng rãi để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

- Tổ chức triển khai kế hoạch mua sắm thiết bị; xây dựng, sửa chữa phòng học, phòng chức năng đối với các công trình xây dựng theo danh mục của Chương trình được duyệt.

- Xác định địa điểm, lập thủ tục đất đai và giải phóng mặt bằng đối với những danh mục công trình xây dựng trên địa bàn huyện, thị xã đã được phê duyệt.

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo đúng kế hoạch, đúng quy định, bảo đảm chất lượng các công trình mua sắm, xây dựng, chống thất thoát, tiêu cực.

- Quán triệt, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tại các địa phương tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thi công các công trình theo kế hoạch được duyệt;

- Tổ chức đưa thiết bị, các phòng học, phòng chức năng vào sử dụng mục đích sau khi nhận bàn giao đưa vào sử dụng, nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

## **8.2. Tổ chức thực hiện**

### **8.2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

- Là cơ quan trực tiếp làm chủ đầu tư và quản lý các dự án mua sắm thiết bị của Chương trình.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phân bổ kinh phí cụ thể cho từng huyện, thị xã để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành tỉnh để xây dựng kế hoạch và xác định danh mục xây dựng cho từng năm ở từng huyện, thị xã theo danh mục công trình được phê duyệt kèm theo Chương trình này;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình của các huyện, thị xã, thành phố định kỳ 6 tháng và hàng năm; tổng hợp tình hình từ các địa phương báo cáo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

### **8.2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình.

### **8.2.3. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân và thủ tục quyết toán vốn hoàn thành các công trình do Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình của các huyện, thị xã định kỳ 6 tháng và hàng năm.

### **8.2.4. Sở Xây dựng**

- Thẩm định dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình thuộc Chương trình theo phân cấp của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

### **8.2.5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng các công trình ở trường học ở các địa phương.

### **8.2.6. Kho bạc Nhà nước tỉnh**

Căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ hàng năm có nhiệm vụ quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **8.2.7. Sở Thông tin và Truyền thông**

Tuyên truyền rộng rãi để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021 - 2025.

### **8.2.8. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021 - 2025 đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo danh mục của đề án được duyệt.

- Khẩn trương xác định địa điểm, lập thủ tục đất đai và giải phóng mặt bằng đối với những danh mục công trình trên địa bàn đã được phê duyệt.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn với sự tham gia kiểm tra, giám sát của HĐND, MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội để

thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo đúng kế hoạch, đúng quy định, bảo đảm chất lượng các công trình xây dựng, chống thất thoát, tiêu cực.

- Tổ chức giao ban, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng và hàng năm, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh.

### **8.2.9. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố**

Quản triệt, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thi công các công trình theo Chương trình được duyệt;

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định chủ trương nguồn vốn đầu tư cho chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021 - 2025./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở KH&ĐT (Thẩm định);
- UBND các huyện/TX/TP;
- Ban QLDA CT DD&CN tỉnh;
- Các Sở: TC, XD;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT, HC-QT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Tiệp**